

Số: /UBND-KT

*Bình Định, ngày tháng năm 2021*

V/v góp ý Dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Văn bản số 4377/BTNMT-TCMT ngày 04/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc góp ý Dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Dự thảo Thông tư); sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Bình Định có ý kiến góp ý như sau:

Về cơ bản UBND tỉnh Bình Định thống nhất nội dung Dự thảo Thông tư. Tuy nhiên, để Thông tư ban hành đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với thực tiễn, UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, rà soát, điều chỉnh một số nội dung, cụ thể như sau:

### **1. Một số góp ý chung**

- Về bố cục của Dự thảo Thông tư: Tại một số phần chưa cân đối và phù hợp, cụ thể như sau:

+ Một số Mục chỉ bao gồm 01 - 02 Điều (Cụ thể như: tại Chương IV, Mục 3 chỉ có 01 Điều 43).

+ Tại Chương II - Bảo vệ các thành phần môi trường: bố cục và các nội dung quy định đối với các Mục 1 (Bảo vệ môi trường nước), Mục 2 (Bảo vệ môi trường đất) và Mục 3 (Di sản thiên nhiên) chưa cân đối. Theo đó, các nội dung trong Mục 2 về Bảo vệ môi trường nước được quy định cụ thể và chi tiết hơn so với các phần còn lại.

+ Tại Chương IV - Quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác, Dự thảo Thông tư bố cục bao gồm Mục 1 - Quy định chung về quản lý chất thải và tại các mục còn lại là những quy định cụ thể cho từng loại chất thải. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy có nhiều nội dung quy định bị trùng lặp giữa mục quy định chung và các mục quy định cụ thể. Ví dụ như: Một số nội dung trong Điều 43 trùng với Điều 34, Điều 44 trùng với Điều 32, Điều 45 trùng với Điều 35,... đề nghị xem xét bỏ Mục Quy định chung và tích hợp các nội dung này vào các mục quy định cụ thể đối với từng loại chất thải.

- Về hình thức: Có một số quy định trong Dự thảo Thông tư trình bày không rõ nội dung (Quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 39; điểm a, khoản 3, Điều 41,...) và có một số lỗi chính tả (Điểm c, khoản 3 Điều 47; điểm h, khoản 4, Điều 50,...).

### **2. Một số góp ý cụ thể**

### 2.1. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh quy định

Theo Dự thảo Thông tư quy định: “Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường về bảo vệ môi trường nước, đất, không khí, di sản thiên nhiên; nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường; phục hồi môi trường sau sự cố môi trường, hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái và nguồn lực chi cho bảo vệ môi trường”.

Tuy nhiên, trong các quy định từ Chương I đến Chương VIII của dự thảo Thông tư, các vấn đề về bảo vệ môi trường không khí; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản hoàn toàn không được đề cập, quy định chi tiết. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung các nội dung về bảo vệ môi trường không khí; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trong nội dung của dự thảo Thông tư để đảm bảo tương ứng và thống nhất với phạm vi điều chỉnh được quy định tại Điều 1 Dự thảo.

### 2.2. Chương II. Bảo vệ các thành phần môi trường

#### - Mục 1. Bảo vệ môi trường nước:

+ Đề nghị xem xét, bổ sung các quy định chi tiết về việc lập Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước nội tỉnh để làm cơ sở cho các địa phương thực hiện.

+ Tại khoản 2, Điều 11 quy định: xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải dựa trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích ít nhất 10 mẫu nước thải với tần suất lấy mẫu 03 ngày/mẫu. Điều này gây tốn nhiều kinh phí phân tích mẫu, nhất là trong trường hợp có nhiều nguồn thải trên đoạn sông đó và phải đánh giá sức chịu tải của nhiều đoạn sông. Đề nghị xem xét giảm số lượng mẫu phân tích và giãn thời gian giữa các lần lấy mẫu.

+ Các quy định từ Điều 3 đến Điều 14 đề cập đến việc đánh giá **khả năng chịu tải** của nguồn nước sông, hồ. Tuy nhiên tại khoản 3, Điều 14 lại quy định UBND tỉnh phê duyệt “**khả năng tiếp nhận nước thải**, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ”. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa phân trách nhiệm của UBND tỉnh là chỉ phê duyệt “khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ”.

+ Đề nghị bổ sung một số nội dung tại các phụ lục liên quan đến các quy định trong phần này, cụ thể: các biểu mẫu về báo cáo thuyết minh đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ; biểu mẫu về trình, phê duyệt khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

#### - Mục 2. Bảo vệ môi trường đất:

+ Đề nghị bổ sung các quy định chi tiết đối với việc tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án xử lý, cải tạo phục hồi khu vực đất bị ô nhiễm và các biểu mẫu liên quan để phù hợp và cụ thể hóa các quy định tại khoản 3 và

khoản 4, Điều 12 và Điều 16 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Mục 3. Di sản thiên nhiên:

+ Tại Điều 19 về Quy chế quản lý di sản thiên nhiên, đề nghị bổ sung quy định về quy trình và các biểu mẫu phục vụ cho công tác thẩm định và phê duyệt Quy chế quản lý di sản thiên nhiên.

+ Tại Điều 20 về Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đề nghị bổ sung quy định về quy trình và các biểu mẫu phục vụ cho công tác thẩm định và phê duyệt Kế hoạch bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

*2.3. Chương III. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường*

- Mục 2. Đánh giá tác động môi trường

+ Tại khoản 6, Điều 24. Tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề nghị xem xét một số nội dung sau:

Đề nghị quy định cụ thể việc mời đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường (nơi triển khai thực hiện dự án) tham gia Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM dự án là bắt buộc. Khi đó, việc lấy ý kiến đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện trong trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường không thể sắp xếp tham gia Hội đồng thẩm định.

Đối với quy định “Sở Tài nguyên và Môi trường được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị” là quá ngắn, không đủ thời gian để Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, thu thập và tổng hợp thông tin, ý kiến của các cơ quan liên quan (Các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của cấp Bộ thường là dự án lớn, có tính nhạy cảm về môi trường). Do đó, đề xuất tăng thời gian lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường là 10 ngày.

+ Tại Điều 25. Công khai danh sách hội đồng thẩm định: Danh sách thành viên Hội đồng thẩm định được thể hiện tại Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM dự án. Do vậy, đề xuất điều chỉnh quy định thành “... công khai Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM...”. Đồng thời, đề nghị quy định cụ thể thời điểm đăng tải và công thông tin điện tử sẽ thực hiện đăng tải thông tin.

+ Tại Điều 27. Thời hạn lấy ý kiến phê duyệt kết quả thẩm định đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: đề nghị chỉ lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước quản lý công trình thủy lợi đối với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (không lấy ý kiến đối với nội dung phê duyệt kết quả thẩm định) để hạn chế thời gian và quy trình thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

+ Đối với một số Phụ lục trong các quy định về đánh giá tác động môi trường:

Tại Mẫu số 4, Phụ lục II - Mẫu cấu trúc và nội dung cụ thể báo cáo đánh giá tác động môi trường: đề nghị cụ thể thời điểm đo đạc, lấy mẫu giữa 03 đợt khảo sát để đánh giá chất lượng môi trường tiếp nhận chất thải (nêu tại mục 2.2.2) để thuận lợi trong quá trình lập và thẩm định báo cáo ĐTM. Ngoài ra, thời gian qua, trong quá trình thẩm định Báo cáo ĐTM, việc lấy ý kiến chuyên gia khá phức tạp, các quy trình không rõ ràng dẫn đến kết quả sử dụng cho việc thẩm định Báo cáo ĐTM chưa thật sự hiệu quả. Do vậy, đề nghị xem xét lược bỏ một số quy định đối tượng dự án cần lấy ý kiến chuyên gia và bổ sung các quy định, biểu mẫu cụ thể đối với việc lấy ý kiến.

Tại Mẫu số 06, Phụ lục II: Qua thực tế thực hiện thời gian qua, biểu mẫu Bản nhận xét cho các thành viên Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM khá dài và phức tạp nhưng lại không hiệu quả, thuận tiện cho việc thực hiện của thành viên hội đồng và công tác tổng hợp của cơ quan thường trực hội đồng. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh biểu mẫu Bản nhận xét trong Dự thảo Thông tư (đề xuất sử dụng lại biểu mẫu như các quy định trước Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ).

Tại Mẫu số 10, Phụ lục II: đề nghị bỏ cụm từ “xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành” tại mục 4 của Phụ lục vì quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 không còn việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

- Mục 3. Giấy phép môi trường

+ Về mẫu giấy phép môi trường được quy định tại Mẫu số 13 Phụ lục II kèm theo Thông tư này:

Tại Mục II. Nội dung cấp phép môi trường: đề nghị chỉnh sửa số thứ tự 6, từ “Chất thải nguy hại phát sinh phải được quản lý” thành “Quản lý chất thải nguy hại”. Nội dung này chưa được thể hiện cụ thể trong mẫu Phụ lục của Giấy phép.

Đối với một số Phụ lục trong Mẫu số 13 Phụ lục II của Dự thảo Thông tư, đề nghị xem xét, điều chỉnh:

\* *Phụ lục 1. Nội dung cấp phép về nước thải*

Tại Bảng 1: đề nghị hướng dẫn rõ thông tin cần đưa vào cột “Nguồn tiếp nhận nước thải” (sông/suối/hồ/ao, lưu lượng, mục đích sử dụng...) để làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải theo quy chuẩn tương ứng.

Tại Bảng 2: đề nghị chỉnh sửa tên cột “Giá trị giới hạn” thành “Giá trị tối đa cho phép”; bổ sung thêm cột “Giá trị C theo quy chuẩn”.

\* *Phụ lục 2. Nội dung cấp phép về khí thải*

Tại Bảng 3: đề nghị hướng dẫn rõ thông tin cần đưa vào cột “Phương thức xả thải” như Bảng 1; bổ sung thêm cột “Hệ số vùng, khu vực nguồn tiếp nhận”.

Tại Bảng 4: đề nghị chỉnh sửa tên cột “Giá trị giới hạn” thành “Giá trị tối đa cho phép”; bổ sung thêm cột “Giá trị C theo quy chuẩn”.

\* *Phụ lục 3: Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung*: đề nghị ghi rõ chỉ cấp đối với loại hình sản xuất nào và đo tại vị trí nào (trong hay ngoài ranh giới dự án, cách vị trí phát sinh tiếng ồn với khoảng cách cụ thể như thế nào...) để thuận lợi trong quá trình thực hiện.

\* *Phụ lục 4: Nội dung cấp phép về xử lý chất thải nguy hại*: đề nghị chỉnh sửa thành “Nội dung cấp phép về vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại”, tương ứng tên Bảng 6 sẽ điều chỉnh thành “Công trình, hệ thống, thiết bị vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại”.

#### 2.4. Chương IV. Quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác

- Tại Điều 35 quy định về Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại: đề nghị bổ sung thêm quy định đối với xe mô tô, xe gắn máy chỉ được vận chuyển *trong phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện hoặc ngoài phạm vi hành chính cấp huyện nhưng trong phạm vi bán kính tối đa 10 km*.

- Tại Điều 38 quy định về Mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn: đề nghị xem xét quy định riêng biệt đối với 2 nội dung (mô hình xử lý rác thải sinh hoạt đô thị và mô hình xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn). Ngoài ra, đề nghị xem xét bỏ quy định *không sử dụng công nghệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt* vì khó có thể thực hiện ngay trên thực tế.

- Tại Điều 39 quy định về Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng hoặc thể tích chất thải: đề nghị xem xét bỏ quy định này vì một số nội dung trong quy định chưa rõ ràng và khó thực hiện trong thực tiễn. Đề xuất sẽ ban hành các quy định cụ thể đối với nội dung này đồng thời với việc ban hành quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt (cụ thể hóa quy định tại khoản 2, Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường 2020) để đảm bảo tính đồng bộ và khả thi.

- Tại Điều 40 quy định về Phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt mà chính quyền địa phương chi trả cho cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: đề nghị bỏ nội dung “Lưu ý: đối với công nghệ...” cho phù hợp văn phong của văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại Điều 41 quy định về Đóng cửa bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động:

+ Đề nghị xem xét phân tách thành 2 điều (quy định về đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và quy định xác nhận hoàn thành đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt).

+ Tại điểm a, Khoản 3, đề nghị chỉnh sửa nội dung “Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt cần có lớp đất phủ hoặc lớp vải nhựa HDPE hoặc chất liệu tương

đương trên cùng có hàm lượng sét lớn hơn 30%, đảm bảo độ ẩm tiêu chuẩn và được đầm nén cẩn thận, chiều dày lớn hơn hoặc bằng 60cm” thành “*Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt cần có lớp đất phủ trên cùng có hàm lượng sét lớn hơn 30%, đảm bảo độ ẩm tiêu chuẩn và được đầm nén cẩn thận, chiều dày lớn hơn hoặc bằng 60cm hoặc lớp vải nhựa HDPE hoặc chất liệu tương đương*”.

+ Đề nghị quy định bổ sung quy trình cụ thể thực hiện công tác xác nhận hoàn thành việc đóng cửa bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt để thuận lợi cho quá trình thực hiện.

- Tại khoản 2, Điều 42 quy định: để tái sử dụng bãi chôn lấp, chủ bãi chôn lấp tiến hành khảo, đánh giá các yếu tố môi trường, nếu đảm bảo mới tiến hành tái sử dụng. Quy định nêu trên chưa chặt chẽ; đề nghị điều chỉnh thành: Bãi chôn lấp sau khi đóng cửa chỉ được tái sử dụng khi đã thực hiện xong thủ tục xác nhận hoàn thành việc đóng cửa bãi chôn lấp.

- Tại khoản 4, Điều 44 quy định về Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển chất thải nguy hại:

+ Đề nghị xem xét lại quy định tại điểm đ) *Chất thải nguy hại đóng gói trong bao bì phải được xếp không cao quá 300 cm* là không có cơ sở vì việc này tùy thuộc chủng loại, thể tích, phương tiện lưu chứa của chất thải và đặc điểm kết cấu của khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Đề nghị xem xét đưa nội dung quy định tại điểm g) *Khu vực lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm phải trang bị hệ thống bảo quản lạnh* qua Mục 5 của Chương này vì nội dung quy định này liên quan đến chất thải y tế.

- Tại Điều 48 quy định về Kế hoạch quản lý môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại 5 Kế hoạch và 1 Chương trình giám sát: đề nghị xem xét đơn giản hóa các nội dung yêu cầu tại Điều này, theo đó, đề nghị tích hợp các nội dung trong 01 Kế hoạch và ban hành biểu mẫu cụ thể để cơ sở thực hiện.

- Tại Điều 49 quy định về Công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ:

+ Đề nghị làm rõ quy định về *đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường* trong điểm c khoản 1.

+ Tiêu đề của khoản 2, đề nghị xem xét chỉnh sửa thành “Các hạng mục, công nghệ xử lý nước thải tại chỗ” cho phù hợp với nội dung quy định.

+ Đề nghị xem xét bỏ quy định về *thực hiện quan trắc chất lượng nước thải* đối với đối tượng cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô hộ gia đình theo quy định tại điểm b khoản 3.

- Tại Điều 50 quy định về Thiết bị lưu chứa, thu gom chất thải của cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô hộ gia đình: đề nghị xem xét bỏ khoản 5 Điều này vì không rõ ràng và khó kiểm soát trong việc thực hiện trong thực tế.

- Tại khoản 3, Điều 51: đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Trên phương tiện vận chuyển chất thải y tế phải trang bị...*” thành “*Trên phương tiện vận chuyển chất thải y tế nguy hại phải trang bị...*” vì phương tiện vận chuyển chất thải y tế

thông thường có thể là xe mô tô, xe gắn máy nên không thể trang bị bảng thông tin ở khu vực điều khiển như quy định tại khoản này.

- Ngoài ra, đối với Phụ lục về Danh mục chất thải nguy hại, Danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát và Danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường trong Dự thảo Thông tư: đề nghị xem xét bổ sung một số loại chất thải hiện nay có phát sinh nhưng chưa được cập nhật như: tấm pin năng lượng mặt trời thải, vỏ thuốc thú y,...

#### 2.5. Chương V. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, thống kê môi trường và báo cáo môi trường

- Đối với Mục 2. Thống kê môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường:

+ Tại Điểm a, khoản 2, Điều 61 về Danh mục bộ chỉ tiêu thống kê về môi trường: đối với Mẫu số 01 - Phụ lục V: Có đề cập Chỉ tiêu 0407 về Tỷ lệ cơ sở sản xuất thép, hóa chất, nhiệt điện than xử lý bụi và các khí thải SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Đề nghị bổ sung các loại hình sản xuất khác gây ô nhiễm về khí thải như Danh mục các loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có các thiết bị xả bụi, khí thải với lưu lượng lớn trong Phụ lục 73 của Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Tại Điểm b, khoản 2, Điều 61 về Nội dung từng chỉ tiêu thống kê về môi trường: Đối với Mẫu số 02 - Phụ lục V:

Chỉ tiêu 0410 nêu Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường là tỷ lệ phần trăm số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh trên tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đang hoạt động: cần tính trên tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động.

Chỉ tiêu 0423 về Diện tích đất bị thoái hoá: nêu đất bị thoái hóa gồm các loại hình sau: Đất bị khô hạn, hoang mạc hóa; đất bị hoang hóa; sạt lở đất; đất bị **kết von**, đá ong hóa,...: cần sửa lại là "đất bị kết von".

Chỉ tiêu 0427 - 0431: cần tính trên tổng khối lượng chất thải được phát sinh chứ không phải tổng khối lượng chất thải được thu gom.

+ Tại khoản 1, Điều 62 về Chế độ báo cáo thống kê về môi trường của ngành tài nguyên và môi trường: đối với Mẫu số 03 - Phụ lục V:

Đề nghị xem lại trong các biểu có cần thống kê các chỉ tiêu đến cấp huyện không? Đồng thời cần nêu rõ cột cuối cùng về tỷ lệ chỉ tính cho dòng "Toàn tỉnh".

Biểu 0403/BTNMT về Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đề nghị chỉnh sửa "Cột 1: ghi tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải thuộc đối tượng đăng ký môi trường trở lên" thành "Cột 1: ghi tổng số KCN, KCX, KCNC đang hoạt động".

Biểu 0424 về Tỷ lệ diện tích đất bị thoái hóa: bổ sung cách tính của Cột 13.

Biểu 0431 về Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế để tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: không nên tách riêng Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng và Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái chế để sử dụng: khó thống kê và không cần thiết.

Biểu 0438 về Danh mục các nguồn gen được bảo vệ và phát triển được xây dựng, ban hành và cập nhật: Cần bổ sung thêm cột "Trong tự nhiên" và chỉnh sửa cột 4 và cột 7 thành "Cơ sở nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ".

+ Tại điểm b, khoản 1, Điều 65 và khoản 5, Điều 68 quy định về các cơ quan đơn vị tiếp nhận, gửi các báo cáo liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn KKT, KCN, KCX, KCNC, Dự thảo Thông tư nêu chưa đầy đủ tên các Ban Quản lý. Do vậy đề nghị rà soát, chỉnh sửa bổ sung thống nhất, đầy đủ cơ quan tiếp nhận, gửi các báo cáo liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn KKT, KCN, KCX, KCNC là: Ban Quản lý KKT, KCN, KCX, KCNC theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

Ngoài ra, tại khoản 5, Điều 68, đề nghị bổ sung thêm cơ quan tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (đối với các cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung) để đơn vị có đầy đủ thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định.

- Tại Điều 64 và biểu mẫu 4 của Phụ lục V: Quy định khá chi tiết đối với nội dung Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của UBND các cấp. Tuy nhiên, biểu mẫu này chỉ phù hợp và khả thi đối với UBND cấp tỉnh; còn UBND cấp huyện và xã khó thực hiện do không đảm bảo về nguồn lực. Do đó, đề xuất bổ sung thêm các biểu mẫu (đơn giản hơn) cho UBND cấp huyện, xã thực hiện.

- Tại khoản 1 Điều 70: đề nghị xem xét bổ sung quy định về thời gian lập và nộp báo cáo hiện trạng môi trường để cụ thể hóa quy định tại khoản 4 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường 2020 “báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp thường lệ cuối năm cuối cùng của nhiệm kỳ”.

## *2.6. Chương VI. Nguồn lực chi cho bảo vệ môi trường, hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường*

Tại khoản 3 Điều 78: đề nghị xem xét bổ sung quy định về nội dung, cấu trúc báo cáo kết quả hoàn thành kế hoạch phục hồi môi trường để hướng dẫn cơ sở thực hiện.

## *2.7. Một số góp ý khác về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản*

- Tại khoản 1 Điều 14 đã có quy ước viết tắt đối với cụm từ “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)”; do đó, đề nghị Ban soạn thảo sử dụng thống nhất việc viết tắt đối



với cụm từ này ở các điều khoản: Điểm b khoản 4 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 65; khoản 2 Điều 67; khoản 2 Điều 81.

- Tại khoản 3 Điều 14 quy định “Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Tài nguyên và Môi trường) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra, đánh giá ... và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ...”. Đối với quy định trên, đề nghị bổ sung cụm từ “thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” sau cụm từ “Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” cho phù hợp theo quy định tại Điều này. Cụ thể, quy định này sau khi chỉnh sửa là: “Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Tài nguyên và Môi trường) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra, đánh giá ... và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, **thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện)**, các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ...” (bổ sung phần in đậm, gạch chân).

- Tại Điểm đ khoản 2 Điều 19 quy định về quy chế quản lý di sản thiên nhiên, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bỏ từ “*tại*” trước từ “*trong*” cho rõ nghĩa và thống nhất với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 dự thảo Thông tư. Quy định này sau khi chỉnh sửa là: “*Trách nhiệm phối hợp bảo vệ di sản thiên nhiên giữa tổ chức được giao quản lý di sản thiên nhiên với tổ chức liên quan ở địa phương và cộng đồng **sống trong và xung quanh** di sản thiên nhiên*” (chỉnh sửa phần in đậm, gạch chân).

- Đề nghị sắp xếp lại thứ tự của các điểm tại khoản 4 Điều 20 cho phù hợp (hiện tại, khoản 4 Điều 20 dự thảo Thông tư có các điểm g, h, k, l nhưng không có điểm i).

Trên đây là một số góp ý đối với Dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng cục Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**